TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - BẮC NINH** Bản án số: 15/2026/HS-ST Ngày 30/01/2026	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trương Thanh Cường – Cán bộ hưu;

- Bà Đỗ Thị Hoài Mơ – Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trung Dũng – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 4 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Công T**;** Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04/06/1988 tại: Xã Q, tỉnh Lạng Sơn;

Nơi cư trú: Bản S, xã Q, tỉnh Lạng Sơn;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ trước khi phạm tội: Không; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; họ và tên bố: Nguyễn Công D, sinh năm 1968 (đã chết); họ và tên mẹ: Hoàng Thị T1, sinh năm 1970; gia đình có 02 anh em, bản thân là thứ nhất; họ và tên vợ: Hoàng Ngọc M, sinh năm 1990 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012.

Nhân thân:

- Bản án số: 11/2012/HS-ST ngày 10/5/2012 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Nguyễn Công T 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2013. Chấp hành án phí ngày 15/9/2012.

- Ngày 21/8/2025 bị Cơ quan Cảnh điều tra Công an tỉnh B khởi tố về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý.

Tiền sự:

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 119/QĐ-TA ngày 27/5/2015 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh buộc Nguyễn Công T phải chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 24 tháng. (Chấp hành xong ngày 20/3/2017)

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc số: 14/QĐ-TA ngày 02/8/2017 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn buộc Nguyễn Công T phải chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 24 tháng. (Chấp hành xong ngày 17/9/2019)

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 33/2020/QĐ-TA ngày 08/12/2020 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn buộc Nguyễn Công T phải chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 20 tháng. (Chấp hành xong ngày 18/8/2022)

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 68/QĐ-TA ngày 18/11/2022 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn buộc Nguyễn Công T phải chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 24 tháng. (Chấp hành xong ngày 24/11/2024).

Tiền án: Không;

Bị cáo đang bị tạm giam theo lệnh tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, tại Phân trại tạm giam Bắc Ninh thuộc Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh B. Có mặt.

Bị hại:

- Chị Đồng Thị Hương L, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

- Bà Nông Thị M1, sinh năm 1944 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Văn T2, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

- Chị Hứa Thị L1, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

- Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1987 (vắng mặt).
  Địa chỉ: Số nhà B, TDP M, phường N, tỉnh Bắc Ninh.
  - Anh Hùng Văn T3, sinh năm 1998 (vắng mặt).

  Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, tỉnh Bắc Ninh.
  - Chị Lê Thị L2, sinh năm 1991 (vắng mặt).
  Địa chỉ: Khu Đ, phường N, tỉnh Bắc Ninh.
  - Anh Hoàng Tiến L3, sinh năm 1977 (vắng mặt).
  - Chị Hoàng Thị M2, sinh năm 1977 (vắng mặt).

  Cùng địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn.
  - Bà Lê Mai H, sinh năm 1975 (vắng mặt).
  Địa chỉ: SN A, phố N thuộc thôn D, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn.
  - Chị Hoàng Thị T4, sinh năm 1982 (vắng mặt).
  Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Lạng Sơn.
  - Anh Hoàng Phi H1, sinh năm 1997 (vắng mặt).
  Địa chỉ: Thôn T, xã K, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Công T, sinh năm 1988 trú tại Bản S, xã Q, tỉnh Lạng Sơn là đối tượng nghiện chất ma túy, không có công việc, nghề nghiệp. Để có tiền chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng, T đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản, như sau:

Vụ thứ nhất: Năm 2012, Nguyễn Công T và ông Trần Văn S, sinh năm 1964 trú tại thôn A, xã K, tỉnh Bắc Ninh bị tạm giam cùng buồng tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn nên có mối quan hệ quen biết nhau. Đến cuối năm 2024, qua tìm hiểu nên T biết địa chỉ nhà ông S. Do đó, khoảng 18 giờ ngày 07/5/2025, T một mình đến nhà ông S chơi. Khi đến, T gặp ông S đang ở nhà một mình. Thụ hỏi ông S cho mượn tiền, ông S bảo không có. Đến khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, T ăn cơm cùng ông S, vợ là bà Hứa Thị L1, sinh năm 1979, anh Trần Văn T2, sinh năm 1999, chị Đồng Thị Lan H2, sinh năm 2003 (con trai và con dâu ông S) tại gia đình ông S và ngồi chơi đến tối muộn thì T nằm ngủ tại giường ở gian phòng khách. Đến khoảng 06 giờ 00 phút ngày 08/5/2025, T tỉnh dậy thấy chỉ có ông S đang nằm ở giường còn anh T2, chị H2 đã đi làm. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của vợ chồng anh T2, chị H2. T mở cửa phòng ngủ của chị H2 lẻn vào bên trong, T thấy trong phòng ngủ có 01 tủ quần áo bằng gỗ, loại tủ đứng, cánh tủ ngoài cùng bên phải hướng từ ngoài nhìn vào đang mở. Thụ lục soát tìm tài sản trong tủ quần áo thấy thì phát hiện ở giữa tủ có một ngăn kéo bị khóa. T dùng tay phải kéo giật mạnh ngăn tủ bị bung ra. Thụ kiểm tra bên trong ngăn tủ có một hộp hình tròn màu đỏ, loại

hộp đựng kiềng vàng nên T dùng tay mở nắp hộp ra thấy một hộp nhỏ hình tròn bằng nhựa màu hồng. T tiếp tục mở hộp nhựa ra phát hiện bên trong đựng 4 (bốn) chiếc nhẫn. T dùng tay lấy 04 (bốn) chiếc nhẫn cho vào trong túi quần phía trước bên phải rồi đóng ngăn khóa tủ và cửa phòng ngủ lại như ban đầu.

Sau khi trộm cắp được tài sản, T đi bộ ra ngã tư xã K bắt xe khách đi xuống khu vực M (nay là phường N), khi trên xe Thụ bỏ số vàng trộm cắp được ra kiểm tra thấy có 04 (bốn) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, gồm 03 nhẫn bằng kim loại màu vàng nhẫn tròn trơn, loại 1 chỉ và 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, nhẫn tròn trơn loại 2 chỉ. Sau đó, T xuống xe tại khu vực cống chui M, phường N đi bộ đến cửa hàng vàng "Đức Anh" của chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1987 ở tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Tại đây, T gặp chị Q đặt vấn đề bán 04 (bốn) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng vừa trộm được. Chị Q hỏi T 04 (bốn) chiếc nhẫn ở đâu, T bảo nhẫn vàng của T. Chị Q kiểm tra xác định đúng vàng thật nên trả giá 10.000.000 đồng/1 chỉ. Thụ đồng ý bán 04 chiếc nhẫn với tổng 5 chỉ và được chị Q trả cho 50.000.000 đồng tiền mặt.

Sau khi bán vàng xong, T liên lạc với anh H1 Văn T2, sinh năm 1998 ở thôn Đ, xã K, tỉnh Bắc Ninh trả nợ cho anh T2 số tiền 4.000.000 đồng. Xong T nhờ anh T2 đưa đến cửa hàng mua bán xe máy cũ "Quang Trung" của chị Lê Thị L2, sinh năm 1991 ở Khu đất mới M, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Tại đây, T gặp chị L2 và mua một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu đỏ đen bạc với giá 21.800.000 đồng rồi T đi vào trong thành phố Hồ Chí Minh. Chiếc xe mô tô trên T đã bán cho một cửa hàng không nhớ địa chỉ để lấy tiền tiêu xài. Số tiền bán vàng trộm cắp còn lại, T chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 09/5/2025, Cơ quan điều tra tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do chị Đồng Thị Lan H2 trình báo (BL 184-186). Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường tại nhà ở của gia đình ông Trần Văn S, sinh năm 1964 ở thôn A, xã K, tỉnh Bắc Ninh thu giữ: 01 hộp nhựa màu cam bằng nhựa đã qua sử dụng; 01 khăn vải hình vuông, kích thước (67x67) cm; 04 chìa khoá bằng kim loại màu trắng; 01 hộp hình tròn màu đỏ, đường kính 19,3cm, trên mặt có in chữ Việt Hùng; 01 hộp loại hộp đựng nhẫn cưới bằng vải màu đỏ mận. (BL 66- 67)

Ngày 10/5/2025, Công an thị trấn K tiến hành rà soát camera tại nhà ông Quản Văn P, sinh năm 1954 ở TDP số 3, thị trấn K, huyện L phát hiện 01 đối tượng nghi vấn, mặc quần ngố rách, áo thun màu đen và đeo balo màu đen, đi từ ngõ nhà ông Trần Văn S ra tuyến đường Q cũ lúc 07 giờ 10 phút ngày 08/5/2025, hướng đi ra ngã 4 đèn đỏ thị trấn K. (BL 224)

Ngày 09/10/2025, Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra về hành vi giật kéo mở ngăn kéo khoá tủ quần áo trộm cắp tài sản, kết quả: Ngăn kéo khoá tủ được khoá lại, bên dưới ổ khoá có tay nắm màu trắng, T dùng tay

trai tỳ chạm vào mặt trên của ngăn kéo, tay phải dùng cầm nắm tay nắm ngăn kéo giật một lực mạnh ra phía sau người thì mở được ngăn kéo. (BL 106-107)

Cùng ngày 09/10/2025, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Công T chỉ dẫn địa điểm trộm cắp tài sản, kết quả: Thụ xác định Thụ trộm cắp tài sản tại ngăn khoá ở giữa tủ của tủ đứng ngoài cùng bên phải hướng từ ngoài nhìn vào, trong phòng ngủ của chị Đồng Thị Lan H2. (BL 166)

Cùng ngày 09/10/2025, Cơ quan điều tra đã cho T xác định địa điểm tiêu thụ tài sản trộm cắp theo chỉ dẫn của đối tượng, kết quả: Xác định tại cửa hàng vàng bạc "Đ" của chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988, trú tại số nhà B, tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh. (BL 174) Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra hệ thống camera an ninh tại cửa hàng của chị Q, dữ liệu ngày 08/5/2025 không lưu trữ, thu giữ được. Chị Q cho biết: Vàng 9999 loại nhẫn tròn trơn và vàng 24K loại nhẫn tròn trơn là 01 loại vàng có đặc điểm, chất lượng vàng sạch, đẹp, trị giá giống nhau, chỉ khác nhau về cách gọi tên. (BL 182)

Cùng ngày 09/10/2025, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho chị Đồng Thị Lan H2 nhận dạng Thụ, kết quả: Chị H2 nhận dạng được T. (BL 202-203)

Ngày 15/10/2025, chị L2 đã giao nộp 01 hình ảnh nam giới mặc áo cộc tay màu đen, đeo ba lô, quần ngố bò màu đen ngồi trên 01 chiếc xe mô tô màu đỏ đen và 01 giấy bán xe đề ngày 08/5/2025 của cửa hàng xe máy Quang T5, tên người mua xe là Nguyễn Công T. (BL 232)

Tại Kết luận giám định số 4680/KL-KTHS ngày 30/6/2025 của V, kết luận (BL 37-38): "Trên các mẫu gửi giám định (01 chiếc khăn bằng vải, hình vuông có hoạ tiết màu đen trắng đã qua sử dụng; 01 chiếc hộp hình tròn, màu đỏ, trên mặt hộp có in chữ: "Việt Hùng" đã qua sử dụng; 01 chiếc hộp loại hộp đựng nhẫn cưới bằng vải màu đỏ mận đã qua sử dụng; 01 hộp nhựa, màu cam (loại hộp đựng nhẫn) đã qua sử dụng; 04 chiếc chìa khoá bằng kim loại sáng màu đã qua sử dụng) đều có bám dính ADN người, không phân tích được kiểu gen do các dấu vết đều có chất lượng kém".

Tại kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 05 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng - UBND huyện L kết luận (BL 63): " 01 chiếc nhẫn vàng 9999 tròn trơn, loại 2 chỉ có khắc chữ "Việt Hùng", có giá là 2 chỉ x 11.550.000 đồng/1 chỉ = 23.100.000 đồng. 01 chiếc nhẫn vàng 9999 tròn trơn, loại 1 chỉ có khắc chữ "Việt Hùng", có giá là 1 chỉ x 11.550.000 đồng/1 chỉ = 11.550.000 đồng. 01 chiếc nhẫn vàng 9999 tròn trơn, loại 1 chỉ có khắc chữ "Minh Ngoạn", có giá là 1 chỉ x 11.550.000 đồng/1 chỉ = 11.550.000 đồng. 01 chiếc nhẫn vàng 9999 tròn trơn, loại 1 chỉ có khắc chữ "Đình Chiểu", có giá là 1 chỉ x 11.550.000 đồng/1 chỉ = 11.550.000 đồng. Tổng trị giá tài sản cần định giá là: 57.750.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)".

Vụ thứ hai: Nguyễn Công T và anh Hoàng Tiến L3, sinh năm 1977, ở thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn quen biết do từng chấp hành án phạt tù chung buồng trong trại giam và ở cùng cơ sở cai nghiện ma tuý. Sáng ngày 25/6/2025, T đến nhà anh L3 chơi và xin ở lại vài ngày để chờ ngày đi công ty thì anh lợi đồng ý. Đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 27/6/2025, anh L3 đi vắng, T sang nhà bà Nông Thị M1, sinh năm 1944 (là mẹ anh L3, nhà ở cạnh nhà của anh L3) chơi. Lúc này, chỉ có ông Hoàng Văn L4, sinh năm 1942 (chồng bà M1) đang ngồi trước cửa nhà. Thụ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhà bà M1. Thụ vào trong nhà bà M1 giả vờ xem giấy khen, nhân lúc ông L4 không để ý, T lẻn vào gian phòng ngủ phía sau phòng khách, mở cánh cửa tủ quần áo, lục tìm tài sản trong tủ và phát hiện trong túi một chiếc áo có 03 (ba) chiếc nhẫn gồm: 01 (một) chiếc nhẫn vàng 9999 có mặt vuông khắc chữ Trung Quốc, trọng lượng 02 chỉ và 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 9999, tròn trơn, mỗi nhẫn trọng lượng 1,5 chỉ, được để trong một hộp nhựa, cất trong một túi vải tự may. Thụ trộm cắp hộp nhựa bên trong vẫn để 03 (ba) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng và chiếc túi vải rồi cất giấu vào trong túi quần. Sau khi trộm cắp được tài sản T đi về bên nhà anh L3. Khi về đến nhà anh L3, T nghe thấy chị Hoàng Thị M2, sinh năm 1977 (vợ anh L3) nói chuyện điện thoại và biết được anh L3 đang bị hỏng xe ở khu vực mỏ đá H, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn nên T bảo chị M2 cho mượn xe máy đi đón anh L3, chị M2 đồng ý. Trên đường đi cách nhà bà M1 khoảng 1km, T đã vứt vỏ hộp nhẫn và túi vải đi, còn 03 chiếc nhẫn thì T cất vào trong túi quần. Khi T đi gần đến khu vực mỏ đá Hồ N thì gặp anh L3 đã sửa được xe. T bảo anh L3 đi cùng T ra Đ để lấy tiền đi làm, anh L3 đồng ý rồi gửi xe lại cạnh đường. T chở anh L3 đến khu vực Chợ T7, T bảo anh L3 xuống xe chờ để đi lấy tiền. Sau đó, T điều khiển xe đến tiệm vàng "Hiến Thành" của chị Lê Mai H, sinh năm 1975 ở số nhà A, Phố N thuộc thôn D, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây, T gặp chị H đặt vấn đề bán số vàng vừa trộm cắp được. Chị H hỏi T vàng ở đâu thì T bảo vàng của T. Chị Hạnh kiểm T6 xem đúng là nhẫn bằng kim loại vàng thật nên trả giá 10.600.000 đồng/1 chỉ. T đồng ý bán 01 chiếc nhẫn vàng mặt vuông, mặt nhẫn có khắc chữ, trọng lượng 02 chỉ cho chị H và được chị H trả cho số tiền là 21.200.000 đồng tiền mặt rồi T quay lại đón anh L3 về nhà anh L3 để T lấy ba lô quần áo. Sau đó, T nhờ anh L3 đèo T ra xã Đ để T bắt xe đi làm công ty. Sau khi chở T ra đến Chợ T7, anh L3 điều khiển xe về nhà, còn T chờ bắt xe khách để đi đến tỉnh Bắc Ninh. Số tiền bán vàng T đã chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng đầu tháng 7/2025, T đã tiếp tục mang 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng tròn trơn có tổng trọng lượng 3 chỉ, trộm cắp được từ nhà bà M1 đi bán tại một tiệm vàng tại tỉnh Bắc Ninh (không nhớ địa chỉ cụ thể) cho một nam giới chủ quán, được số tiền là 30.500.000 đồng. Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 07/7/2025, bà Nông Thị M1 làm đơn trình báo gửi Công an xã K, tỉnh Lạng Sơn. (BL 277)

Ngày 31/10/2025, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Công T xác định nơi Thụ trộm cắp tài sản và địa điểm Thụ bán vàng vào ngày 27/6/2025, kết quả: Thụ xác định địa điểm trộm cắp tài sản là tại tủ đứng bằng nhựa màu nâu vân gỗ dạng hai cánh tại chính giữa gian phòng ngủ trong nhà bà Nông Thị M1. Địa điểm Thụ bán vàng là tại tiệm V1 (BL 299-300, 347)

Ngày 20/7/2025, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho anh Hoàng Tiến L3, chị Hoàng Thị M2 nhận dạng T, kết quả: Anh L3, chị M2 nhận dạng được T. (BL 390-391, 404-405)

Ngày 08/7/2025, chị Hoàng Thị M2 giao nộp: 01 video dài 05 phút 18 giây, 01 video dài 07 phút 26 giây. Chị Phùng Thị H3 giao nộp 01 video dài 09 phút 45 giây ghi lại hình ảnh nghi liên quan đến vụ trộm cắp ngày 29/6/2025 (BL 314)

Ngày 31/10/2025, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho T xem xét dữ liệu camera thu giữ, kết quả: Thụ xác nhận người đàn ông mặc áo đen (có kẻ sọc trắng tại vai áo), quần xanh chính là T, T là người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà M1 vào chiều ngày 27/6/2025. Người điều khiển xe mô tô đến tiệm vàng trong đoạn video ghi lại hình ảnh trước cửa tiệm V1 chính là Nguyễn Công T, mục đích T vào cửa hàng vàng để bán vàng lấy trộm được từ nhà bà M1 (BL 352)

Tại Kết luận giám định số 960/KL-KTHS ngày 28/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận: “Tập tin video mang tên: "6898218262983 video 1.mp4" không phát hiện cắt ghép, chỉnh sửa. Không đủ cơ sở kết luận các tập tin video mang tên: "6898226415129 video 2.mp4" và "6898226977139 video 3.mp4" có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không”.

Tại Kết luận định giá tài sản số 113/KL-HĐĐG ngày 03/10/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn, kết luận: (BL 274-275)

“- 01 túi vải tự may đã cũ; 01 vỏ hộp đựng nhẫn đã cũ: Do không tham khảo được giá giao dịch trên thị trường đối với 01 túi vải tự may đã cũ; 01 vỏ hộp đựng nhẫn đã cũ nói trên, không đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành định giá nên Hội đồng từ chối định giá theo quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/8/2018 của Chính phủ và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 250/2025/NĐ-CP ngày 22/9/2025 của Chính phủ.

- Đối với 03 (ba) nhẫn vàng 9999 đã qua sử dụng, trong đó: 01 nhẫn mặt vuông, mặt khắc chữ Trung Quốc, trọng lượng 02 chỉ vàng; 02 nhẫn vàng trơn, mỗi chiếc có trọng lượng 1,5 chỉ, tổng trọng lượng 02 chiếc là 03 chỉ vàng: Nhẫn vàng 9999, mặt vuông có khắc chữ Trung Quốc, trọng lượng 02 chỉ vàng, đã qua sử dụng, ngày 27/6/2025 có giá 21.446.666 đồng.

Nhẫn vàng 9999, trơn, mỗi chiếc có trọng lượng 1,5 chỉ, đã qua sử dụng có giá 32.349.999 đồng. Tổng giá trị tài sản cần định giá là 53.797.000 đồng.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T phạm tội 02 lần trở lên.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01 túi vải và 01 vỏ hộp nhựa đựng nhẫn T trình bày vứt cách nhà bà M1 khoảng 1km. Ngày 31/10/2025, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không phát hiện được. (BL 358)

Đối với số vàng Thụ trộm cắp của chị Đồng Thị Lan H2 và bà Nông Thị M1, T đem bán cho chị Nguyễn Thị Q, chị Lê Mai H và một cửa hàng không biết. Số vàng này đã được nung chảy, chế tác thành sản phẩm khác nên không có căn cứ để thu hồi.

Đối với chiếc xe mô tô Thụ mua của chị L2, T trình bày đã bán cho một cửa hàng không quen biết, không nhớ rõ địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để truy tìm.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đồng Thị Lan H2 yêu cầu Thụ bồi thường số tiền 57.750.000 đồng. Bà Nông Thị M1 yêu cầu T bồi thường 05 chỉ vàng.

* Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Công T về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, không oan sai.

Ngoài ra bị cáo T còn trình bày: Bị cáo đã 2 lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Bị cáo quen ông Nguyễn Văn S1 do trước đây gặp ông S1 ở trại cai nghiện, bị cáo đã vài lần lên nhà ông S1 chơi. Chiều tối ngày 07/5/2025 bị cáo đến nhà ông S1 chơi và ngủ lại nhà ông S1. Sáng hôm sau bị cáo ngủ dậy, thấy ông S1 vẫn đang ngủ trên gường, con trai và con dâu ông S1 đi làm, không có nhà. Bị cáo nẩy sinh ý định trộm cáp tài sản nhà ông S1. Bị cáo đã đi vào buồng con trai và con dâu ông S1, mục đích thấy tài sản gì có giá trị, thì bị cáo lấy; bị cáo đã mở tủ quần áo ra lục tìm tài sản, thì thấy trong tủ có một ngăn kéo nhỏ, bị cáo dùng tay giất tung ngăn kéo ra thì thây có một hộp nhỏ đựng vàng, bị cáo mở hợp ra lấy 4 nhẫn vàng, sau đó đóng tủ lại và đi ra ngoài và bắt xe về M, V. Tại đây bị cáo đã bán 4 nhẫn vàng trọng lượng 5 chỉ cho chị Nguyễn Thị Q được 50.000.000 đồng. Số tiền này, bị cáo trả anh H1 Văn Tuấn 4.000.000

đồng, mua 1 xe Honda Winner 21.800.000 đồng. Sau đó bị cáo vào thành phố Hồ Chí Minh ăn tiêu hết, xe máy bị cáo cũng bán cho người không quen biết.

Vụ thứ 2: Sáng ngày 25/6/2025, bị cáo đến nhà anh L3 chơi và xin ở lại vài ngày để chờ ngày đi công ty. Anh anh L3 đồng ý. Đến chiều ngày 27/6/2025, bị cáo sang nhà ông Hoàng văn L4 là bố anh L3 chơi, tại đây bị cáo nẩy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo vào nhà ông L giả vờ xem giấy khen, thấy ông L4 ở sân, không để ý, bị cáo đã vào buồng mở tủ ra và thấy một túi vải nhỏ, bị cáo thấy bên trong có nhẫn vàng, bị cáo đã lấy 3 nhẫn vàng của bà M1 vợ ông L4. Sau đó bị cáo đi ra ngoài và nhà anh L3. Tại nhà anh L3, bị cáo thấy vợ anh L3 là chị M2 nói chuyện điện thoại, biết là anh L3 bị hỏng xe. Bị cáo đã mượn xe chị M2 để đi đón anh L3. Trong lúc đi đón anh L3, bị cáo đã bán cho của hàng chị H 2 chỉ vàng được 21.200.000 đồng. Sau đó bị cáo về nhà anh L3 lấy ba lô và bắt xe đi Bắc Ninh. Bị cáo đã ăn tiêu hết số tiền trên và bán 3 chỉ vàng còn lại được 30.500.000 đồng. Số tiền này bị cáo cũng ăn tiêu hết.

Bị hại yêu cầu bồi thường, bị cáo đồng ý theo yêu cầu của bị hại.

Ngoài hành vi trên, bị cáo còn bị khởi tố về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, đang đợi xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Công Thụ T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 585, 589 BLDS buộc Nguyễn Công T phải bồi thường cho chị Đồng Thị Lan H2 số tiền: 57.750.000 đồng và bà Nông Thị M1 số tiền: 53.797.000 đồng

- Về án phí*:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST và 5.577.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.* Tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát:

* Bị cáo T không tranh luận gì.

* Kết thúc tranh luận. Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án giao giấy triệu tập, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử; Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người vắng mặt trong quá trình hỏi tại phiên tòa.

[2] Đánh giá tính hợp pháp về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh, Kiểm sát viên.

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó cần xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh và Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng pháp luật.

[3] Đánh giá chứng cứ

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 08/5/2025 và 27/6/2025, Nguyễn Công T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 111.547.000 đồng, cụ thể:

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 08/5/2025, tại nhà ông Trần Văn S, sinh năm 1964 trú tại thôn A, xã K, tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Công T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc nhẫn vàng 9999 tròn trơn, loại 2 chỉ có khắc chữ "Việt Hùng", có giá là 23.100.000 đồng. 01 chiếc nhẫn vàng 9999 tròn trơn, loại 1 chỉ có khắc chữ "Việt Hùng", có giá là 11.550.000 đồng. 01 chiếc nhẫn vàng 9999 tròn trơn, loại 1 chỉ có khắc chữ "Minh Ngoạn", có giá là 11.550.000 đồng. 01 chiếc nhẫn vàng 9999 tròn trơn, loại 1 chỉ có khắc chữ "Đình Chiểu", có giá là 11.550.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị trộm cắp là: 57.750.000 đồng của vợ chồng chị Đồng Thị Lan H2.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 27/6/2025, tại nhà bà Nông Thị M1, sinh năm 1944 thôn B, xã K, tỉnh Lạng Sơn, Nguyễn Công T đã có hành vi trộm cắp 01 nhẫn vàng 9999, mặt vuông có khắc chữ Trung Quốc, trọng lượng 02 chỉ vàng, đã qua sử dụng, ngày 27/6/2025 có giá 21.446.666 đồng. 02 nhẫn vàng 9999, trơn, mỗi chiếc có trọng lượng 1,5 chỉ, đã qua sử dụng có giá 32.349.999 đồng. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 53.797.000 đồng của bà Nông Thị M1.

Bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản, được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Ngày 08/5/2025 và 27/6/2025 bị cáo Nguyễn Công T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 111.547.000 đồng (tài sản bị cáo chiếm đoạt giá trị trên 50.000.000 đồng và dưới 200.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đã phạm vào điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, bản Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ; chỉ vì động cơ mục đích có tiền ăn tiêu, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của 2 bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do đó, phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét về nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ qui định điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong khoảng một thời gian ngắn, bị cáo 2 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, lần 1 ngày ngày 08/5/2025 trộm cắp tài sản trị giá 57.750.000 đồng, lần 2 ngày 27/6/2025 trộm cắp tài sản trị giá 53.797.000 đồng; cả 2 lần đều đủ yếu tố cấu thành tôi Trộm cắp tài sản. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Ngoài ra bị cáo còn có 4 tiền sự:

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 119/QĐ-TA ngày 27/5/2015 của Toà án nhân dân quận Thủ

Đức, thành phố Hồ Chí Minh buộc Nguyễn Công T phải chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 24 tháng. (Chấp hành xong ngày 20/3/2017).

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc số 14/QĐ-TA ngày 02/8/2017 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn buộc Nguyễn Công T phải chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 24 tháng. (Chấp hành xong ngày 17/9/2019).

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 33/2020/QĐ-TA ngày 08/12/2020 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn buộc Nguyễn Công T phải chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 20 tháng. (Chấp hành xong ngày 18/8/2022).

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 68/QĐ-TA ngày 18/11/2022 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn buộc Nguyễn Công T phải chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 24 tháng. (Chấp hành xong ngày 24/11/2024).

Về nhân thân bị cáo:

- Tại bản án số: 11/2012/HS-ST ngày 10/5/2012 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Nguyễn Công T 12 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2013. Chấp hành án phí ngày 15/9/2012.

- Ngày 21/8/2025 bị Cơ quan Cảnh điều tra Công an tỉnh B khởi tố về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý.

Căn cứ vào nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy cần phải có hình phạt tù giam, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời giam mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

[7] Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Đồng Thị Lan H2 yêu cầu Thụ bồi thường số tiền 57.750.000 đồng. Bà Nông Thị M1 yêu cầu T bồi thường 05 chỉ vàng tương đương 53.797.000 đồng.

Xét thấy: Chị H2 và bà M1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên là có căn cứ, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền này, nên cần chấp nhận. Buộc bị cáo bồi thường cho chị H2 57.750.000 đồng và bồi thường cho bà M1 05 chỉ vàng tương đương 53.797.000 đồng.

[9] Về vật chứng: Đối với 01 túi vải và 01 vỏ hộp nhựa đựng nhẫn T trình bày vứt cách nhà bà M1 khoảng 1km. Ngày 31/10/2025, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không phát hiện được, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với số vàng Thụ trộm cắp của chị Đồng Thị Lan H2 và bà Nông Thị M1. T đem bán cho chị Nguyễn Thị Q, chị Lê Mai H và một cửa hàng không biết. Số vàng này đã được nung chảy, chế tác thành sản phẩm khác nên không có căn cứ để thu hồi.

Đối với chiếc xe mô tô Thụ mua của chị L2; Thụ trình bày đã bán cho một cửa hàng không quen biết, không nhớ rõ địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để truy tìm.

[10] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo và các nội dung khác là phù hợp.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.578.000 đồng tiền án phí dân sự.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều: 584, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải bồi thường cho chị Đồng Thị Lan H2 57.750.000 đồng (năm mươi bẩy triệu bẩy trăm năm mươi ngàn đồng) và bồi thường cho bà Nông Thị M1 05 chỉ vàng tương đương 53.797.000 đồng (năm mươi ba triệu bẩy trăm chín mươi bẩy ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (tiền án phí không tính lãi).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Công T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.578.000 đồng (năm triệu năm trăm bẩy mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Bắc Ninh;
- - Thi hành án DS tỉnh Bắc Ninh;
- - CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- - Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh Bắc Ninh;
- - Bị cáo; những người tham gia TT khác;
- - UBND nơi bị cáo cư trú;
- - Trại giam số 1, CA tỉnh Bắc Ninh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thế Vinh

- Lưu hồ sơ, VP.